©2025 Tạp chí Nghiên cứu Á - Phi
Số 4(4) tháng 10-2025
http://isawaas.org.vn
p-ISSN 3093-3064

CHIẾN LƯỢC CÂN BẰNG MỀM TRONG ĐỐI NGOẠI CỦA NEPAL

The soft-balancing strategy in Nepal's foreign policy

ĐẶNG THU THỦY*

Ngày nhận bài: 06/9/2025, ngày gửi phản biện: 10/9/2025, ngày duyệt đăng: 25/9/2025

Nghiên cứu phân tích chiến lược đối ngoại cân bằng mềm (hedging) của Nepal trong tam giác cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc - Mỹ, dựa trên khung ba đặc tính của Kuik (2021): (i) né tránh liên minh cứng nhắc; (ii) áp dụng biện pháp đối nghịch để quản trị rủi ro; và (iii) đa dạng hóa để có phương án dự phòng. Nghiên cứu cho thấy Nepal không chọn phe nhưng hợp tác đa chiều, như việc không gia nhập liên minh quân sự song duy trì hợp tác quốc phòng với cả ba cường quốc và tham gia nhiều sáng kiến phát triển kinh tế khu vực. Cách tiếp cận này tạo "chiến lược linh hoạt", cho phép Nepal tận dụng vị thế "đệm" giữa Ấn Độ - Trung Quốc để bảo toàn tự chủ, giảm lệ thuộc và thúc đẩy ổn định và phát triển.

Từ khóa: Cân bằng mềm, chiến lược, chính sách đối ngoại, Nepal.

This paper examines Nepal's soft-balancing (hedging) foreign-policy within the competitive triangle of India - China - the United States, using Kuik's (2021) three-attribute framework: (i) eschewing rigid alignments, (ii) pursuing seemingly contradictory measures to manage risk, and (iii) inclusive diversification for fallback options. The findings indicate that Nepal does not bandwagon with any side yet engages multi-directionally: it refrains from military alliances while maintaining defense cooperation with all three major powers and participating in multiple regional economic development initiatives. This approach generates a flexible strategy, enabling Nepal to leverage its buffer position between India and China to safeguard strategic autonomy, reduce dependency, and promote stability and development.

Keywords: Soft-balancing (hedging), strategy, foreign policy, Nepal.

Mở đầu

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày một gia tăng giữa Ấn Độ - Trung Quốc - Mỹ, Nepal - một quốc gia nhỏ, kẹp giữa hai cường quốc lục địa, buộc phải lựa chọn cách thức ứng xử đối ngoại vừa bảo toàn tự chủ, vừa tận dụng cơ hội phát triển. Trên

* Phó Giáo sư. Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: thuy0183@gmail.com

nền thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm lý giải vì sao và bằng cách nào Nepal theo đuổi chiến lược "cân bằng mềm" (hedging) thay vì trung lập thụ động hay liên minh cứng, qua đó làm rõ logic quản trị rủi ro của một quốc gia nhỏ trong môi trường quyền lực bất định. Vấn đề nghiên cứu cốt lõi là xác định nội hàm và cơ chế vận hành của chiến lược cân bằng mềm của Nepal: (i) né tránh liên minh cứng nhắc, (ii) áp dụng biện pháp đối nghịch để quản trị rủi ro, và (iii) đa dạng hóa để có phương án dự phòng. Trên cơ sở khung ba đặc tính của Kuik (2021), bài viết tập trung hệ thống hóa nền tảng tư duy đối ngoại, phân tích cách vận hành chính sách điển hình trong an ninh - kinh tế - đa phương và đánh giá hiệu quả, giới hạn cũng như hàm ý chính sách từ trường hợp Nepal giai đoạn gần đây. Qua đó, nghiên cứu hệ thống hoá về cách tiếp cận "chiến lược cân bằng mềm" và gợi mở lựa chọn chính sách cho các quốc gia nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn.

1. Cơ sở hình thành và định hướng chung của chiến lược đối ngoại Nepal

Với đặc trưng là một quốc gia nhỏ, không giáp biển, nằm giữa hai cường quốc lục địa là Ấn Độ và Trung Quốc, Nepal từ lâu đã phát triển một tư duy chiến lược đặc biệt, cân bằng giữa tự chủ, thích ứng và thận trọng. Vị trí địa chiến lược của Nepal khiến quốc gia này không thể chọn phe, nhưng cũng không thể trung lập tuyệt đối mà thay vào đó, luôn phải theo đuổi một chính sách đối ngoại linh hoạt, phòng ngừa rủi ro, nhằm duy trì không gian chiến lược độc lập giữa hai cực quyền lực cạnh tranh (Rose, 1971).

Ngay từ giữa thế kỷ XX, đặc biệt sau khi Hiệp ước Hòa bình và Hữu nghị được ký kết năm 1950, Nepal đã bắt đầu tìm kiếm một con đường đối ngoại riêng biệt giữa hai áp lực đối nghịch, đó là ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ và sự trỗi dậy của Trung Quốc. Chính sách đối ngoại của vua Tribhuvan và sau đó là vua Mahendra được đưa ra xoay quanh nguyên tắc "không liên kết, không đối đầu, hợp tác đa phương", phù hợp với các nguyên tắc của Phong trào Không liên kết (NAM) mà Nepal tham gia từ năm 1961 (Phadnis & Patnaik, 1981). Bước sang giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, khi trật tự khu vực châu Á chuyển từ đối đầu hai cực sang cạnh tranh đa cực và Nam Á cũng như Nepal cũng không ngoại lệ. Theo Pant (2010), mục tiêu xuyên suốt của chính sách đối ngoại Nepal được định hình trong ba trụ cột: (1) Bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và tự chủ chiến lược; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua hợp tác đa phương và hội nhập khu vực; và (3) Duy trì hòa bình, ổn định và cân bằng quyền lực trong môi trường khu vực bất định.

Sau khi Hiến pháp năm 2015 ra đời, Nepal chính thức khẳng định đường lối "đối ngoại độc lập, dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, không can thiệp và hợp tác cùng có lợi". Khuôn khổ chính sách đối ngoại của Nepal (năm 2019) đã nhấn mạnh rằng "mục tiêu tối thượng của chính sách đối ngoại Nepal là bảo vệ lợi ích quốc gia thông qua ngoại giao đa phương, hợp tác toàn cầu, và quản trị rủi ro chiến lược" (Ministry of Foreign Affairs of Nepal, 2019). Điểm đặc trưng nổi bật trong tư duy chiến lược đối ngoại của Nepal là sự kết hợp giữa tính thực dụng và nguyên tắc quốc tế. Nepal không tìm kiếm "đồng minh", mà tìm "đối tác có thể cân bằng lợi ích", thông qua việc tham gia vào các

cơ chế khu vực như Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC), Sáng kiến Vịnh Bengal về Hợp tác Kỹ thuật và Kinh tế Đa lĩnh vực (BIMSTEC), và Liên Hợp Quốc như một chiến lược mở rộng không gian hành động, đồng thời duy trì tính trung lập trong các xung đột quốc tế (Amit Ranjan and Pramod Jaiswal, 2022).

Nói cách khác, nội hàm chiến lược đối ngoại của Nepal không phải là trung lập tuyệt đối, mà là trung lập linh hoạt, thể hiện qua chiến lược linh hoạt, tức là giữ lập trường độc lập trong chính trị - an ninh, song vẫn linh hoạt điều chỉnh mức độ hợp tác với các cường quốc nhằm bảo vệ lợi ích phát triển quốc gia (Kuik, 2021). Điều này cho phép Nepal tồn tại trong vùng xám giữa hợp tác và cạnh tranh, và biến vị thế "quốc gia kẹp giữa" thành đòn bẩy chiến lược.

2. Khung lý thuyết nghiên cứu

Trong nghiên cứu về chiến lược đối ngoại cân bằng mềm, giới học giả đã đề xuất nhiều cách hiểu và tiếp cận khác nhau, song chưa có một khuôn khổ lý thuyết thống nhất. Theo Herath (2025), việc xác định rõ ranh giới giữa chủ nghĩa không liên kết (non-alignment) và cân bằng mềm là điều kiện tiên quyết để phân tích chính xác hành vi đối ngoại của các quốc gia nhỏ như Nepal. Các học giả như Phadnis và Patnaik (1981), Bhattacharya (2024) và De Silva (2024) lại coi không liên kết như một hành vi chính sách đối ngoại nhằm duy trì trung lập và tránh lệ thuộc vào các khối quyền lực trong Chiến tranh Lạnh. Ngược lại, các nghiên cứu của Goh (2005), Ciorciari (2019), Lim và Mukherjee (2019), cùng Kuik (2021) cho rằng cân bằng mềm trong đối ngoại không chỉ là "không chọn phe", mà còn là một chiến lược chủ động quản trị rủi ro và tối đa hóa lợi ích trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn.

Theo Kuik (2021), cân bằng mềm trong đối ngoại là "hành vi tìm kiếm sự bảo vệ trong điều kiện bất định và rủi ro cao, khi một quốc gia tránh chọn phe và đồng thời tiến hành những biện pháp đối nghịch để duy trì vị thế dự phòng". Kuik đã xác định ba đặc tính cốt lõi của chiến lược này: (1) Né tránh liên minh cứng nhắc, tránh bị ràng buộc vào các khối quyền lực hay liên minh quân sự, duy trì khả năng linh hoạt chính trị; (2) Thực thi các biện pháp đối nghịch để quản trị rủi ro, kết hợp các hành động hợp tác và đối kháng trong nhiều lĩnh vực (an ninh, chính trị, kinh tế) để giảm thiểu lệ thuộc; và (3) Đa dạng hóa để có phương án dự phòng, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác nhằm tạo không gian xoay chuyển khi quan hệ với một cường quốc xấu đi.

Khung ba đặc tính này được Herath (2025) vận dụng để đánh giá hành vi đối ngoại của khá nhiều quốc gia ở Nam Á. Khác với cân bằng (balancing) hay phụ thuộc (bandwagoning), vốn là lựa chọn "rõ ràng về phe" thì cân bằng mềm được xem là một chiến lược trung gian, linh hoạt và có chủ đích, giúp các quốc gia nhỏ bảo toàn tự chủ chiến lược trong môi trường quyền lực bất đối xứng. Mô hình ba đặc tính của Kuik (2021) là khung khái niệm trung tâm để giải thích hành vi phòng ngừa rủi ro của Nepal. Mô hình này không chỉ phản ánh quá trình thích ứng của các quốc gia nhỏ trong cấu trúc quyền lực khu vực, mà còn là chiến lược linh hoạt trong ngoại giao đa phương.

Theo Nghiên cứu Chiến lược (2025), chiến lược cân bằng mềm, khéo léo và linh hoạt cùng với sự xoay chuyển chiến lược. Trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các quốc gia tầm trung và nhỏ thường áp dụng chiến lược "cân bằng mềm" trong chính sách đối ngoại. Họ không trực tiếp đối đầu với các cường quốc mà lựa chọn xây dựng liên minh linh hoạt, thúc đẩy đàm phán ngoại giao và hợp tác kinh tế để linh hoạt xoay chuyển giữa các cường quốc, nhằm tối đa hóa khả năng duy trì tính độc lập và mở rộng không gian chiến lược của mình. Cốt lõi của chiến lược này là nắm bắt chính xác cục diện cạnh tranh giữa các cường quốc, khéo léo tận dụng sự đối đầu giữa họ để điều chỉnh lập trường một cách linh hoạt trong từng vấn đề, tránh bị phụ thuộc hoàn toàn vào bất kỳ bên nào, đồng thời tìm kiếm sự ủng hộ và hợp tác từ nhiều phía, từ đó đạt được mục tiêu kép: tối đa hóa lợi ích quốc gia và bảo đảm an ninh quốc gia.

3. Phân tích chiến lược cân bằng mềm trong đối ngoại của Nepal theo mô hình ba đặc tính của Kuik (2021)

Nội dung này sẽ phân tích chiến lược cân bằng mềm trong chính sách đối ngoại của Nepal dựa trên mô hình ba đặc tính của Kuik (2021). Theo cách tiếp cận này, chiến lược cân bằng mềm được xem là chiến lược quản trị rủi ro có tính toán của các quốc gia nhỏ trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực bất định, cho phép họ vừa tránh bị ràng buộc vào các liên minh cứng nhắc, vừa kết hợp linh hoạt những biện pháp hợp tác và tự vệ, đồng thời đa dạng hóa quan hệ để duy trì tự chủ chiến lược. Bên cạnh đó, nội dung này sẽ làm rõ cách Nepal hiện thực hóa ba đặc tính nêu trên nhằm bảo đảm an ninh, phát triển và vị thế trong tam giác chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc - Mỹ.

Né tránh liên minh cứng nhắc

Trong mô hình ba đặc tính của Kuik (2021), việc né tránh liên minh cứng nhắc được xem là nền tảng của chiến lược cân bằng mềm, phản ánh hành vi tìm kiếm sự bảo vệ chiến lược của các quốc gia nhỏ trước môi trường cạnh tranh bất định. Theo Kuik, đây là biểu hiện của "trung lập chủ động", trong đó một quốc gia tránh ràng buộc vào bất kỳ khối liên minh hoặc cực quyền lực nào, song vẫn duy trì mức độ hợp tác đủ để bảo toàn lựa chọn và tối đa hóa lợi ích (Kuik, 2021). Cách tiếp cận này không đồng nghĩa với cô lập hay trung lập thụ động, mà thể hiện một dạng ngoại giao linh hoạt, giúp quốc gia vừa tránh bị gắn chọn phe, vừa giữ vị thế đối tác đáng tin cậy với nhiều cường quốc khác nhau.

Với Nepal, Herath (2025) chỉ ra rằng nước này thể hiện rõ đặc tính này thông qua việc không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào và từ chối cấp quyền tiếp cận căn cứ quân sự cho các cường quốc. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa Nepal né tránh hợp tác an ninh, mà ngược lại nước này chủ động tham gia tập trận song phương với cả Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ - như Surya Kiran (với Ấn Độ), Sagarmatha Friendship (với Trung Quốc) và Ex-Balance Nail (với Mỹ). Việc duy trì hợp tác quân sự đa hướng này giúp Nepal tăng năng lực quốc phòng, học hỏi kỹ thuật hiện đại, đồng thời gửi tín hiệu cân bằng chính trị khôn khéo, tránh bị xem là thiên vị bất kỳ bên nào.

Chiến lược "không liên minh nhưng hợp tác đa chiều" của Nepal vì vậy là biểu hiện tiêu biểu của cân bằng chủ động: vừa bảo toàn tự chủ chiến lược, vừa tận dụng lợi ích vật chất và ngoại giao từ cạnh tranh giữa các cường quốc. Nhờ đó, Nepal có thể duy trì vị thế như một "quốc gia đệm chiến lược" giữa Ấn Độ và Trung Quốc, đồng thời mở rộng quan hệ với Mỹ mà không đánh mất cân bằng khu vực (Herath, 2025).

Có thể thấy, việc tránh liên minh cứng nhắc giúp Nepal duy trì linh hoạt thể chế và cân bằng quyền lực, tạo điều kiện cho chính sách đối ngoại linh hoạt, một đặc trưng trung tâm của cân bằng mềm nhằm bảo vệ chủ quyền và không gian xoay trục chiến lược trong môi trường địa - chính trị nhiều biến động.

Thực thi các biện pháp đối nghịch để quản trị rủi ro

Đặc tính thứ hai của chiến lược cân bằng mềm trong đối ngoại nhấn mạnh việc một quốc gia đồng thời triển khai những bước đi có vẻ đối nghịch, vừa hợp tác vừa tự bảo vệ, để phân tán rủi ro và giữ phương án dự phòng trước bất định quyền lực. Về logic, đây là phần cốt lõi của chiến lược linh hoạt như việc quốc gia tránh gửi tín hiệu chọn phe, duy trì linh hoạt và bảo toàn tự chủ bằng cách kết hợp các hành động trái chiều trên nhiều miền (an ninh, chính trị, kinh tế).

Trong trường hợp Nepal, có những bằng chứng cho thấy nước này vừa hợp tác song song với Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ, vừa điều phối các lợi ích xung khắc ngay trong cùng lĩnh vực như kết nối và phát triển hạ tầng. Cách làm này có chủ đích điều chỉnh linh hoạt để dung hòa kỳ vọng của các đối tác, nhằm giữ thế cân bằng động và không để bên nào kết luận Nepal đã liên kết với đối thủ của họ. *Về an ninh - quốc phòng*, Nepal không ràng buộc mình trong các cam kết liên minh nhưng vẫn duy trì hợp tác quân sự thực chất với cả ba bên, tạo ra một cơ hội vừa học hỏi năng lực, vừa tránh bị đóng khung định vị chiến lược. Sự song hành giữa tránh cố kết và duy trì hợp tác chính là biểu hiện điển hình của đặc tính thứ hai là kết hợp biện pháp tưởng như đối nghịch để quản trị rủi ro trong lĩnh vực an ninh. *Về kinh tế - đối ngoại,* Nepal phân bổ tiếp xúc giữa các kênh đầu tư/cấp vốn khác nhau (Đông - Tây), đồng thời đa phương hóa diễn đàn can dự để giảm thiểu việc bị bó chặt thể chế. Trên thực tế, Nepal chủ động xử lý lợi ích chồng lấn của các cường quốc trong cùng nhiều chính sách" (như hạ tầng - kết nối), từ đó giảm thiểu rủi ro phụ thuộc và duy trì quyền tùy biến khi tương quan thay đổi.

Tác dụng của cách tiếp cận này là bảo toàn không gian xoay trục nhờ "chiến lược linh hoạt" có tính toán, Nepal giữ được linh hoạt và tín nhiệm với nhiều bên mà không gửi tín hiệu chọn phe, qua đó tối đa hóa lợi ích trong bối cảnh cạnh tranh Ấn Độ - Trung Quốc - Mỹ. Nói cách khác, đặc tính thứ hai giúp Nepal quản trị rủi ro theo chiều ngang (giữa các cường quốc) lẫn chiều dọc (giữa các chính sách), củng cố an toàn chiến lược cho giai đoạn bất định.

Đa dạng hóa để có phương án dự phòng

Đặc tính thứ ba trong mô hình của Kuik (2021) nhấn mạnh rằng các quốc gia nhỏ theo đuổi chiến lược cân bằng mềm thường đa dạng hóa quan hệ đối ngoại một cách có chủ đích, nhằm mở rộng dư địa hành động và xây dựng "phương án dự phòng chiến lược" trong trường hợp môi trường quyền lực thay đổi. Theo Kuik, đa dạng hóa không chỉ là mở rộng quan hệ kinh tế hay ngoại giao, mà là cơ chế bảo hiểm toàn diện giúp quốc gia duy trì tính linh hoạt, tránh lệ thuộc vào một trung tâm quyền lực duy nhất, và bảo vệ tự chủ chiến lược trước các rủi ro bất định.

Trong trường hợp của Nepal, Herath (2025) nhận định rằng chính sách đa dạng hóa bao trùm là "trụ cột bền vững nhất" trong toàn bộ cấu trúc đối ngoại của nước này. *Về chính trị - ngoại giao*, Nepal duy trì các kênh song phương cân bằng với Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ, đồng thời mở rộng quan hệ với Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, và các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, SAARC và BIMSTEC. Những chuyến thăm cấp cao luân phiên giữa Kathmandu - Bắc Kinh - New Delhi - Washington trong giai đoạn 2023 - 2024 cho thấy nỗ lực nhất quán của Nepal trong việc phân tán rủi ro ngoại giao và duy trì hiện diện ở mọi kênh đối thoại (Herath, 2025). *Về kinh tế - phát triển,* Nepal chủ động kết hợp các nguồn đầu tư và hỗ trợ tài chính từ nhiều phía. Bên cạnh các dự án thuộc sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc, nước này còn thực hiện Hiệp định Hỗ trợ Thách thức Thiên niên kỷ (MCC) với Mỹ để phát triển mạng lưới truyền tải điện, và tham gia Chương trình Global Gateway của EU về năng lượng tái tạo và điện khí hóa nông thôn. Việc tận dụng song song các cơ chế viện trợ và hợp tác này giúp Nepal tăng cường năng lực hạ tầng, đồng thời tránh phụ thuộc tài chính hoặc công nghệ vào bất kỳ bên nào (Ghimire, 2024).

Ngoài ra, Nepal còn đa dạng hóa hướng hợp tác khu vực, mở rộng quan hệ kinh tế - lao động với Trung Đông, thúc đẩy trao đổi thương mại với Bangladesh, Sri Lanka và Việt Nam trong khuôn khổ SAARC, đồng thời khuyến khích kiều hối (nguồn chiếm hơn 25% GDP) như một bộ đệm tài chính đối phó bất định quốc tế (World Bank, 2025). Nhờ đó, Nepal đã hình thành một mạng lưới "bảo hiểm chiến lược đa tầng", trong đó các quan hệ chính trị, kinh tế và xã hội đan xen, giúp nước này giữ vững tính bền vững và khả năng thích ứng dài hạn.

Tóm lại, đặc tính đa dạng hóa bao trùm cho phép Nepal xây dựng cấu trúc đối ngoại phân tán rủi ro, tạo nhiều nước đi chiến lược trong môi trường cạnh tranh cường quốc. Cách tiếp cận này biến Nepal từ một "quốc gia đệm thụ động" thành chủ thể chủ động tái định hình vị thế, biết tận dụng sự ganh đua quyền lực để phục vụ lợi ích phát triển quốc gia mà không đánh mất tự chủ chiến lược, đúng tinh thần "phòng ngừa rủi ro có tính toán" của Kuik (2021).

4. Nhận định và đánh giá

Chiến lược cân bằng mềm trong đối ngoại của Nepal phản ánh điển hình nghệ thuật ngoại giao thích ứng của một quốc gia nhỏ trong môi trường cạnh tranh quyền lực bất

định giữa Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ. Với vị thế địa - chiến lược lục địa "đệm" giữa hai cường quốc và năng lực vật chất hạn chế, Nepal không đủ điều kiện để theo đuổi chính sách "cân bằng cứng" hay liên minh hóa, mà thay vào đó áp dụng mô hình "phòng ngừa rủi ro có tính toán". Theo Herath (2025), đây là một lựa chọn tất yếu của các quốc gia nhỏ nhằm vừa duy trì tự chủ chiến lược, vừa tận dụng cạnh tranh nước lớn để phục vụ lợi ích phát triển và ổn định chính trị. Trong cấu trúc khu vực Nam Á, Nepal đã khéo léo biến điểm yếu địa lý của mình thành đòn bẩy ngoại giao để mở rộng không gian chiến lược và tránh bị gắn chặt vào một cực quyền lực.

Bản chất của chiến lược này là sự kết hợp giữa chủ nghĩa thực dụng và chiến lược linh hoạt, nơi để Nepal chủ động duy trì đồng thời nhiều kênh hợp tác an ninh, chính trị và kinh tế mà không gửi tín hiệu "chọn phe". Theo Kuik (2021), điểm khác biệt giữa "không liên kết" và "cân bằng mềm" nằm ở mức độ chủ động khi quốc gia theo đuổi cân bằng mềm không trung lập thụ động, mà linh hoạt tận dụng mọi cơ hội để phân tán rủi ro và tối đa hóa lợi ích. Nepal đã minh chứng điều đó qua việc vừa tham gia sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) của Trung Quốc, vừa phê chuẩn MCC do Mỹ tài trợ, hay vẫn giữ quan hệ quốc phòng song phương với Ấn Độ trong khuôn khổ tập trận Surya Kiran. Sự đa tuyến ngoại giao này không phải biểu hiện của sự lưỡng lự, mà là một lựa chọn có tính toán, phản ánh khả năng duy trì cân bằng động giữa các trung tâm quyền lực (Ghimire, 2024).

Hiệu quả của chiến lược cân bằng mềm thể hiện rõ ở ba phương diện: (i) Trước hết, Nepal duy trì được không gian chiến lược độc lập, tránh bị cuốn vào vòng xoáy đối đầu nước lớn, nhờ kiên định nguyên tắc "không liên minh, không căn cứ, không can thiệp"; (ii) Tiếp đó, nước này đa dạng hóa nguồn lực phát triển, tận dụng cạnh tranh đầu tư giữa các cường quốc để cải thiện cơ sở hạ tầng và tiếp cận vốn phát triển, biến cạnh tranh địa - chính trị thành động lực tăng trưởng; và (iii) Cuối cùng, Nepal nâng cao vị thế quốc tế thông qua vai trò tích cực tại các thể chế đa phương như SAARC, BIMSTEC và Liên Hợp Quốc, củng cố hình ảnh một quốc gia nhỏ nhưng độc lập và có trách nhiệm.

Tuy nhiên, chiến lược này cũng tồn tại giới hạn cấu trúc. Do phụ thuộc nặng nề vào thương mại và kiều hối từ Ấn Độ, không gian xoay trục của Nepal vẫn bị ràng buộc bởi yếu tố kinh tế và địa lý (Rose, 1971; World Bank, 2025). Hơn nữa, sự thiếu ổn định chính trị nội bộ và thay đổi chính phủ liên tục làm giảm tính nhất quán trong hoạch định chính sách đối ngoại, khiến một số dự án chiến lược, như đường sắt xuyên Himalaya bị đình trệ (Herath, 2025). Trong khi đó, chiến lược quá linh hoạt mà kéo dài có thể làm suy giảm niềm tin từ các đối tác, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc ngày càng gay gắt, buộc Nepal phải xác định rõ "giới hạn linh hoạt" để không đánh mất tính đáng tin cậy (Kuik, 2021).

Trên phương diện lý luận, trường hợp Nepal góp phần làm phong phú thêm khung phân tích (cân bằng) của Kuik (2021), khi chứng minh rằng cân bằng có thể tồn tại ngay cả trong điều kiện thể chế yếu, miễn là giới lãnh đạo có năng lực nhận thức và tính toán

chiến lược đủ tinh tế. Từ đó, ba hàm ý chính sách được rút ra: (i) Một là, tăng cường nền tảng tự chủ nội tại là điều kiện tiên quyết để duy trì cân bằng mềm bền vững, thông qua phát triển năng lượng sạch, hạ tầng và cải cách tài chính (World Bank, 2025): (ii) Hai là, duy trì "chiến lược linh hoạt có kiểm soát", tức linh hoạt trong hành động nhưng rõ ràng về nguyên tắc - đặc biệt là các nguyên tắc "không liên minh, không căn cứ, không can thiệp" và (iii) Ba là, đa tầng hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng hợp tác với các tổ chức toàn cầu và khu vực mới nổi như ASEAN, EU và Liên minh châu Phi (AU), nhằm thoát khỏi "cái bóng địa lý" của Ấn Độ và Trung Quốc (Ghimire, 2024).

Tổng thể chiến lược cân bằng mềm trong đối ngoại của Nepal là sự lựa chọn hợp lý và hiệu quả nhất trong điều kiện cấu trúc hiện nay. Đây không chỉ là chiến thuật ứng biến, mà là một định hướng chiến lược lâu dài nhằm duy trì tự chủ, ổn định và phát triển trong môi trường quyền lực bất đối xứng. Nepal đã chứng minh rằng *"một quốc gia nhỏ vẫn có thể tạo ra không gian chiến lược nếu biết phòng ngừa rủi ro có tính toán"* (Herath, 2025). Trong bối cảnh trật tự khu vực Nam Á - Ấn Độ Dương đang chuyển dịch mạnh, chiến lược của Nepal không chỉ mang giá trị thực tiễn đối với các quốc gia nhỏ khác, mà còn đóng góp quan trọng cho lý luận về cân bằng mềm như một mô hình quản trị rủi ro của các quốc gia nhỏ trong thời kỳ đa cực hóa toàn cầu.

Kết luận

Chiến lược cân bằng mềm trong đối ngoại của Nepal thể hiện một mô hình thích ứng chiến lược đặc sắc của quốc gia nhỏ trong trật tự khu vực đầy biến động. Dựa trên ba đặc tính của Kuik (2021), Nepal đã hình thành một chính sách đối ngoại trung lập linh hoạt, vừa bảo toàn tự chủ chiến lược, vừa khai thác cạnh tranh nước lớn để thúc đẩy phát triển. Nhờ đó, nước này duy trì được vị thế "đệm chiến lược" giữa Ấn Độ và Trung Quốc, đồng thời mở rộng quan hệ với Mỹ, EU và các tổ chức khu vực mà không đánh mất cân bằng quyền lực. Mặc dù vẫn tồn tại giới hạn về năng lực nội tại và ràng buộc địa kinh tế, Nepal đã chứng minh rằng sức mạnh của quốc gia nhỏ không chỉ nằm ở quy mô vật chất, mà ở khả năng điều tiết rủi ro và duy trì linh hoạt chính trị. Trong môi trường quốc tế ngày càng bất định, chiến lược cân bằng mềm của Nepal trở thành bài học điển hình cho các quốc gia nhỏ trong việc bảo vệ chủ quyền, mở rộng không gian chiến lược và khẳng định bản sắc ngoại giao độc lập giữa cạnh tranh cường quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Nghiên cứu Chiến lược (2025). *Sự trỗi dậy của các cường quốc tầm trung và quá trình tái cấu trúc trật tự quốc tế.* https://nghiencuuchienluoc.org/su-troi-day-cua-cac-cuong-quoc-tam-trung-va-qua-trinh-tai-cau-truc-trat-tu-quoc-te/. Ngày truy cập 11/9/2025.

2. Amit Ranjan and Pramod Jaiswal (2022). Nepal's foreign policy in a changing South Asia. *Institute of South Asian Studies.* Nepal Institute for International Cooperationcand Engagement

3. Bhattacharya, S. (2024). Non-alignment in the era of the Global South (Occasional Paper No. 443). *Observer Research Foundation.*

4. Ciorciari, J. D., & Haacke, J. (2019). Hedging in international relations: an introduction. *International Relations of the Asia-Pacific*, *19*(3), 367–374.

5. De Silva, S. (2024). Nonalignment and Sri Lanka's foreign policy (RSIS Commentary No. 039–24). *S. Rajaratnam School of International Studies.*

6. Goh, Evelyn. (2005). Meeting the China challenge: The U.S. in Southeast Asian regional security strategies. ISBN 1-932728-31-7 (online version); https://scholarspace.manoa.hawaii.edu/server/api/core/bitstreams/8b1d6403-f890-4e4d-90f0-9fa9e708303a/content. Ngày truy cập 15/8/2025.

7. Ghimire, S. (2024). Foreign policy strategies of Nepal between China and India: Bandwagon or balance? *Journal of International Relations and Development (Springer).*

8. Herath .T (2025). Deciphering Hedging: A Comparative Analysis of the Foreign Policy Behaviour of Bangladesh, Nepal, and Sri Lanka. *Policy Brief.*

9. Kuik, C. C. (2021). Getting hedging right: a small-state perspective. *China International Strategy Review, 3(2*). https://doi.org/10.1007/s42533-021-00089-5.

10. Lim, D. J., & Mukherjee, R. (2019). Hedging in South Asia: balancing economic and security interests amid Sino-Indian competition. *International Relations of the Asia-Pacific*, 19(3), 493–522.

11. Ministry of Foreign Affairs of Nepal. (2019). Foreign Policy Framework of Nepal. *Government of Nepal.*

12. Phadnis, U., & Patnaik, S. (1981). Non-alignment as a foreign-policy strategy: A case study of Sri Lanka. *International Studies, 20*(1-2), 223-238.

13. Rose, L. E. (1971). Nepal: Strategy for survival. *University of California Press.*

14. World Bank. (2025). Nepal Development Update 2025. Washington, DC: World Bank Publications.